

# PHIẾU KẾT CA - PROTEA GARDEN

Mã phiếu: 546 | Ngày: 17/09/2026 22:06

## Thông tin ca làm việc

Người tạo: Kiều Quốc Kiệt

Doanh thu: 884.000 đ

Tiền mặt: 564.000 đ

Chuyển khoản Tingbox: 295.000 đ

Tiền cơm phần: 0 đ

Tiền ve chai: 0 đ

Tiền xe hơi: 30.000 đ

Doanh thu cả ngày: 2.139.500 đ

Tiền mặt cả ngày: 1.347.000 đ

Chuyển khoản cả ngày: 733.000 đ

Tiền cơm phần cả ngày: 0 đ

Tiền ve chai cả ngày: 0 đ

Tiền xe hơi cả ngày: 60.000 đ

## Nguyên vật liệu cuối ca

| STT | Tên           | Tồn thực tế | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú                 |
|-----|---------------|-------------|-------------|-----------------|-------------------------|
| 1   | Bánh Orio     | 12.00 Cái   | 0.08 Cây    | 0.00 Cây        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 2   | Bột Cacao     | 172.00 gram | 0.66 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 3   | Bột Đá Xay    | 602.00 gram | 0.40 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 4   | Bột Milk Foam | 151.00 gram | 0.85 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 5   | Bơ Đậu Phộng  | 331.00 gram | 0.00 hủ     | 0.00 hủ         | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 6   | Cà Phê        | 940.00 gram | 1.06 túi    | 1.00 túi        | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên                  | Tồn thực tế | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú                 |
|-----|----------------------|-------------|-------------|-----------------|-------------------------|
| 7   | Đào Ngâm             | 924.00 gram | 0.00 Hộp    | 0.00 Hộp        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 8   | Mút đào              | 199.00 gram | 0.00 chai   | 0.00 chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 9   | Hồng Trà             | 402.00 gram | 0.33 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 10  | Soda                 | 15.00 lon   | 0.00 Lon    | 0.00 Lon        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 11  | Syrup Bạc Hà         | 173.00 ml   | 0.55 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 12  | Syrup Lựu Đỏ         | 193.00 ml   | 0.72 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 13  | Mút Chanh Dây        | 388.00 ml   | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 14  | Mút Kiwi             | 1001.00 ml  | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 15  | Mút Mãng Cầu         | 761.00 ml   | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 16  | Mút Việt Quất        | 971.00 ml   | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 17  | Mút Xoài             | 673.00 ml   | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 18  | Sữa Tươi Không Đường | 196.00 ml   | 2.80 Hộp    | 1.00 Hộp        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 19  | Syrup Curacao        | 391.00 ml   | 0.41 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 20  | Syrup Đào            | 315.00 ml   | 0.69 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên                      | Tồn thực tế  | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú                 |
|-----|--------------------------|--------------|-------------|-----------------|-------------------------|
| 21  | Mứt ổi hồng              | 580.00 gram  | 0.00 chai   | 0.00 chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 22  | Trà Ô Long               | 552.00 gram  | 0.08 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 23  | Nước suối                | 8.00 chai    | 0.00 chai   | 0.00 chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 24  | Trà Ô Long Đào           | 639.00 gram  | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 25  | Trân Châu 3Q Ngọc Trai   | 1494.00 gram | 0.25 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 26  | Sốt Matcha               | 457.00 ml    | 0.27 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 27  | Sốt Chocolate            | 114.00 ml    | 0.82 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 28  | Syrup Táo                | 723.00 ml    | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 29  | Bột Kem Muối             | 123.00 ml    | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 30  | Bia Heineken bạc         | 4.00 Lon     | 0.00 Lon    | 0.00 Lon        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 31  | Bia Heineken xanh        | 18.00 Lon    | 0.00 lon    | 0.00 lon        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 32  | Cam                      | 4422.00 gram | 0.00 Kg     | 3000.00 Kg      | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 33  | Cà Rốt                   | 3157.00 gram | 0.00 Kg     | 0.00 Kg         | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 34  | Bánh yến mạch gạo lức đỏ | 270.00 gram  | 0.00 gram   | 0.00 gram       | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên                       | Tồn thực tế | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú                 |
|-----|---------------------------|-------------|-------------|-----------------|-------------------------|
| 35  | Coca Cola                 | 22.00 lon   | 0.00 lon    | 0.00 lon        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 36  | Dưa Hấu                   | 2326.00     | 0.00 Trái   | 2800.00 Trái    | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 37  | Pepsi                     | 4.00 lon    | 0.00 lon    | 0.00 lon        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 38  | Trà dưỡng tâm             | 7.00 Gói    | 3.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 39  | Trà dưỡng nhan            | 4.00 Gói    | 6.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 40  | Vải Ngâm                  | 10.00 Trái  | 0.00 Trái   | 0.00 Trái       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 41  | Đậu Phộng Tỏi Ớt          | 29.00 Gói   | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 42  | Đậu Phộng Tôm - Rong Biển | 13.00 Gói   | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 43  | Hương Dương               | 30.00 Gói   | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 44  | Bột Matcha                | 805.00 gram | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 45  | Trà lài                   | 546.00 Gram | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 46  | Rich lùn                  | 200.00 ml   | 0.00 hộp    | 0.00 hộp        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 47  | Yaourt                    | 17.00 Hủ    | 0.00 Hủ     | 0.00 Hủ         | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 48  | Bánh dad                  | 14.00 Gói   | 0.00 Bịch   | 0.00 Bịch       | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên              | Tồn thực tế | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú                 |
|-----|------------------|-------------|-------------|-----------------|-------------------------|
| 49  | Cốt chanh        | 332.00 Gram | 0.00 Gram   | 0.00 Gram       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 50  | Sốt caramel muối | 395.00 Gr   | 0.00 Gram   | 0.00 Gram       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 51  | Syrup Atiso      | 732.00 Gram | 0.00 Gram   | 0.00 Gram       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 52  | Syrup Bí đao     | 260.00 Gr   | 0.00 Gr     | 0.00 Gr         | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 53  | Syrup vải        | 186.00 Gram | 0.00 Gram   | 0.00 Gram       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 54  | Syrup hazelnut   | 366.00 Gram | 0.00 Gram   | 0.00 Gram       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 55  | Syrup hoa hồng   | 656.00 Gram | 0.00 Gram   | 0.00 Gram       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 56  | Syrup trà xanh   | 290.00 Gram | 0.00 Gram   | 0.00 Gram       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 57  | Syrup vanilla    | 834.00 Gram | 0.00 Gram   | 0.00 Gram       | Bổ sung thực tế cuối ca |

Người lập phiếu

.....

Người duyệt

.....